

Thanh Khê, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Số: **08** /2019/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Thái.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên họp:
Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 121/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 121/QĐ-TA ngày 12 tháng 6 năm 2019

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Ông Trần Minh H, sinh năm: 1978;
Địa chỉ: Tổ X, phường Y, quận K, thành phố Đà Nẵng.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Trần Thị Nhã U, sinh năm: 1970;

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1952;

3. Bà Trần Thị Hồng P, sinh năm: 1981;

4. Bà Trần Thị Hồng Q, sinh năm: 1976;

Cùng địa chỉ: Tổ X, phường Y, quận K, TP. Đà Nẵng.

5. Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm: 1973; Địa chỉ: số A đường B, quận K, thành phố Đà Nẵng.

6. Bà Trần Thị Tuyết D, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số V đường J, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị G có quan hệ là vợ chồng. Sinh thời ông S và bà G tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất của thửa đất số R, tờ bản đồ số V tại địa chỉ: Lô W khu tái định cư chợ Y, phường Y, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã được UBND quận Thanh Khê cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 866904, số vào sổ cấp GCN: QH 00306 ngày 17/5/2019 đứng tên Nguyễn Thị G và Trần Văn S.

Ông Trần Văn S mất ngày 27/4/2003 không để lại di chúc, cha ông S là ông Trần Văn T1 mất năm 1947 và mẹ là bà Võ Thị Đ mất năm 2012. Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị G có 06 người con: Trần Thị Hồng T, Trần Thị Nhã U, Trần Thị Hồng Q, Trần Thị Tuyết D, Trần Thị Hồng P và Trần Minh H, ngoài ra ông bà không có con riêng, con nuôi nào khác.

Ngày 30/5/2019, ông Trần Minh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông Trần Văn S trong khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị G.

Ngày 05/6/2019, tại Trung tâm hòa giải và đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, ông Trần Minh H và các đồng thừa kế khác của ông Trần Văn S đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung giải quyết của vụ án và có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Sau khi Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý việc yêu cầu trên đây, các đương sự đã có đơn yêu cầu bổ sung yêu cầu Tòa án công nhận đối với phần nhà ở xây dựng trên thửa đất số R, tờ bản đồ số V tại địa chỉ: Lô W khu tái định cư chợ Y, phường Y, quận K, thành phố Đà Nẵng và việc tự nguyện thi hành nghĩa vụ giao tiền của các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự, đề nghị Tòa án căn cứ khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, 367, 416, 417 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612, 613, 623, 651, 660 Bộ luật dân sự. chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trần Minh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê nhận định:

****Về tố tụng:***

[1] Ông Trần Minh H cư trú tại Tổ X, phường Y, quận K, thành phố Đà Nẵng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị G, Trần Thị Hồng T, Trần Thị Nhã U, Trần Thị Hồng Q, Trần Thị Tuyết D, Trần Thị Hồng P

vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt nên căn cứ Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người này.

****Về nội dung:***

[1] Đối với quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại thửa đất số R, tờ bản đồ số V tọa lạc tại địa chỉ: Lô W khu tái định cư chợ Y, phường Y, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Về quyền sử dụng đất: thửa đất số R có giá trị 1.400.000.000đồng đã được Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 866904, số vào sổ cấp GCN: QH 00306 ngày 17/5/2019 đứng tên Nguyễn Thị G và Trần Văn S nên được xác định thuộc quyền sử dụng chung của ông S và bà G. Do vậy di sản của ông S là 1/2 giá trị thửa đất nói trên tương ứng với số tiền 700.000.000đồng.

Về quyền sở hữu nhà ở: kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 12/6/2019 thể hiện trên thửa đất số R, tờ bản đồ số V có ngôi nhà ba tầng cấu trúc mái tôn, tường xây, nền gạch hoa, diện tích xây dựng 70,4m², diện tích sử dụng 221,76 m². Tại bản trình bày và xác nhận, đơn yêu cầu bổ sung và biên bản lấy lời khai cùng ngày 12/6/2019, ông Trần Minh H, bà Nguyễn Thị G, Trần Thị Hồng T, Trần Thị Nhã U, Trần Thị Hồng Q, Trần Thị Tuyết D, Trần Thị Hồng P đều thống nhất xác định ngôi nhà này do ông Trần Minh H tự bỏ tiền xây dựng, các bên không có yêu cầu, không tranh chấp và thống nhất giao cho ông H được toàn quyền sở hữu ngôi nhà.

[2] Về người thừa kế của ông Trần Văn S: ông S chết năm 2003 không để lại di chúc nên theo quy định tại Điều 613, 651 Bộ luật dân sự những người thừa kế theo pháp luật của ông S được xác định gồm có vợ ông S là bà Nguyễn Thị G, các con của ông S là: Trần Thị Hồng T, Trần Thị Nhã U, Trần Thị Hồng Q, Trần Thị Tuyết D, Trần Thị Hồng P, Trần Minh H.

[3] Xét thỏa thuận cụ thể của các bên đương sự thì thấy:

Một là, bà Nguyễn Thị G, Trần Thị Hồng T, Trần Thị Nhã U, Trần Thị Hồng Q, Trần Thị Tuyết D, Trần Thị Hồng P thống nhất giao toàn bộ kỷ phần thừa kế mà họ được hưởng trong khối di sản của ông Trần Văn S cho ông Trần Minh H sử dụng và ông H có nghĩa vụ bồi trả cho mỗi người số tiền 100.000.000đồng.

Hai là, bà Nguyễn Thị G tự nguyện giao 1/2 tài sản của bà G trong khối tài sản chung với ông Trần Văn S có trị giá 700.000.000đồng cho ông Trần Minh H sử dụng và ông H có nghĩa vụ bồi trả cho bà G số tiền 700.000.000đồng.

Ba là, bà Nguyễn Thị G, Trần Thị Hồng T, Trần Thị Nhã U, Trần Thị Hồng Q, Trần Thị Tuyết D, Trần Thị Hồng P xác nhận ông H đã thực hiện xong nghĩa vụ

thối trả tiền cho từng người theo thỏa thuận.

Bốn là, các bên đương sự xác nhận ngôi nhà tọa lạc trên thửa đất số R, tờ bản đồ số V tại địa chỉ: Lô W khu tái định cư chợ Y, phường Y, quận K, thành phố Đà Nẵng do ông H xây dựng nên đề nghị giao cho ông H sở hữu ngôi nhà.

Xét nội dung mà các ông bà: Nguyễn Thị G, Trần Thị Hồng T, Trần Thị Nhã U, Trần Thị Hồng Q, Trần Thị Tuyết D, Trần Thị Hồng P và Trần Minh H đã thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 612, 623, 660 của Bộ luật dân sự nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000đồng Trần Minh H chịu.

Căn cứ: khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, 367, 416, 417 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612, 613, 623, 651, 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 121/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019, cụ thể như sau:

1/ Giao cho ông Trần Minh H được quyền sở hữu, sử dụng lô đất tọa lạc tại thửa đất số R, tờ bản đồ số V ở địa chỉ: Lô W khu tái định cư chợ Y, phường Y, quận K, thành phố Đà Nẵng và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà ba tầng, kết cấu: mái tôn, tường xây, nền gạch hoa, diện tích sử dụng 221,76 m² đã được Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 866904, số vào sổ cấp GCN: QH 00306 ngày 17/5/2019 đứng tên Nguyễn Thị G và Trần Văn S.

Ông H được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu và sử dụng đối với nhà đất được giao theo quy định của pháp luật.

2/ Nghĩa vụ bồi đắp: Ông Trần Minh H có nghĩa vụ bồi đắp cho bà Nguyễn Thị G số tiền 800.000.000 đồng; bồi đắp cho Trần Thị Hồng T, Trần Thị Nhã U, Trần Thị Hồng Q, Trần Thị Tuyết D, Trần Thị Hồng P mỗi người 100.000.000đồng (*các bên đã giao nhận tiền xong*).

Điều 2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần Minh H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 4796 ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Ông H đã nộp xong lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADSQ.Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

DƯƠNG THỊ THÁI